

CUNG - CẦU GIÁO DỤC

• **GS. TSKH. VŨ NGỌC HẢI**

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

1. Đặt vấn đề

Cung-cầu giáo dục là một cặp phạm trù luôn song hành, gắn bó mật thiết và luôn chứa đựng những mặt đối lập trong giáo dục vì con người, của con người và cho con người. Giải quyết được những mặt đối lập trong tương tác thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập của cặp phạm trù này là hướng tới xây dựng được một xã hội học tập, trong đó từng người và mọi người được học liên tục, học suốt đời. Cung-cầu giáo dục giúp cho mọi cá nhân tiếp thu được học vấn, văn hoá từ xã hội, chuyển thành năng lực và giá trị của mình theo hướng chân-thiện-mĩ. Mặt khác, một trong những đặc điểm nổi bật của phát triển giáo dục hiện nay là giáo dục phát triển trong một nền kinh tế chuyển đổi, nền kinh tế đang trong tiến trình lột xác từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; một nền kinh tế mà trong nó đang hình thành, tồn tại và phát triển thị trường lao động. Thị trường lao động và nhu cầu học tập trong xã hội làm nảy sinh và kéo theo sự hình thành và phát triển thị trường dịch vụ giáo dục đa dạng, mà trong đó cung và cầu giữ vị trí thống trị. Có thể nói, trong quá trình chuyển đổi trên, cái cũ, cái không phù hợp, lạc hậu sớm muộn tất yếu sẽ bị thay thế bằng cái mới, cái tiến bộ thông qua con đường phủ định biện chứng. Mặt khác, hơn lúc nào hết quan hệ cung và cầu giáo dục hiện đã và đang giúp con người Việt Nam trong những năm đổi mới giữ vững vị trí chủ thể của nền kinh tế mới, của các quan hệ xã hội, luôn có mặt trong mọi quan hệ sản xuất, và là lực lượng sản xuất đặc biệt đang tạo ra phương thức sản xuất ổn định. Quan hệ cung-cầu giáo dục hợp lí sẽ giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo của từng người để phát triển con người, tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự phát triển bền vững, toàn diện, hài hoà cá nhân và xã hội. Quan hệ tương hỗ cung-cầu giáo dục là để thoả mãn cá nhân con người, thoả mãn

cộng đồng, thoả mãn thị trường lao động, thoả mãn nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và chính nó góp phần quan trọng làm biến đổi xã hội theo hướng phát triển, trong đó mọi nhu cầu giáo dục của từng người được thoả mãn, tạo cho lao động từng người cũng trở thành nhu cầu hoạt động sáng tạo, tự giác, phổ biến, nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất nhân văn của xã hội và tạo điều kiện ngày càng tăng thu nhập và nâng cao mức sống toàn diện. Cung-cầu giáo dục là để đáp ứng sự phát triển quyền tự do của từng người và cũng là cơ sở để có được tự do cho mọi người theo hướng thực hiện công bằng, bình đẳng, nhân đạo trong giáo dục.

2 Khái niệm cung - cầu giáo dục

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cái cũ, cái lạc hậu của nền kinh tế kế hoạch tập trung trước đây sớm muộn tất yếu sẽ bị thay thế bằng cái mới, cái tiến bộ, cái phù hợp thông qua con đường phủ định biện chứng. Mục tiêu của cung-cầu giáo dục phù hợp và thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, nhằm phát huy sức mạnh nhân tố từng con người và vì mỗi con người. Quy luật cung-cầu giáo dục cũng phù hợp tương đồng với quy luật cung-cầu kinh tế. Để hiểu được cung-cầu một cách đầy đủ hơn trong phát triển giáo dục hiện nay, phải biết được nguyện vọng của người học, phải hiểu được hành vi của thị trường sử dụng sức lao động, tức là phải tập trung vào cầu, hiểu rõ được cầu. Trên cơ sở này nghiên cứu, xem xét hành vi của các cơ sở giáo dục. Nghiên cứu sự tương tác giữa cơ sở giáo dục với người học và thị trường lao động. Cung là lượng sinh viên, học sinh (người học) với các cấp học, trình độ, cơ cấu ngành nghề khác nhau ở những mức độ chất lượng có thể chấp nhận được. Cung cũng có nghĩa là giáo dục toàn diện đức, trí, thể mỹ... mà người học tiếp nhận được trong quá trình học tập theo ý muốn, sở thích của mình phù hợp với sự



đòi hỏi của tiến trình phát triển kinh tế-xã hội và thích ứng với thị trường lao động. Lượng cung chỉ có ý nghĩa trong mối quan hệ với những mức cầu cụ thể. Như vậy, cầu không phải là một số lượng cụ thể, mà là một danh sách đầy đủ về số lượng chủng loại theo sở thích của người học, theo cơ cấu trình độ ngành nghề chuyên môn, theo cơ cấu vùng miền và cơ cấu chất lượng mà con người mong muốn, thị trường lao động cần và có thể chấp nhận được. Cần phân biệt giữa cầu và lượng cầu. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần nghiên cứu cầu ở tất cả các khía cạnh, các nhu cầu và mức đòi hỏi khác nhau của con người, ở mỗi sở thích, mỗi cấp học, mỗi trình độ, mỗi cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền. Mỗi loại hình này đều có một lượng cầu cụ thể và lượng cầu chỉ có ý nghĩa trong mối quan hệ với từng loại hình cụ thể.

Một trong những phương pháp nghiên cứu, đánh giá đúng sự phát triển giáo dục tốt nhất chính là việc bắt đầu nghiên cứu từ những cơ sở cung và cầu trong giáo dục. Phân tích cung và cầu là một trong những phương pháp chủ đạo hiệu quả cao có thể được sử dụng trong nhiều vấn đề quan trọng đối với phát triển giáo dục trong mối quan hệ giáo dục-nhu cầu con người-thị trường lao động- kinh tế-xã hội. Số lượng và chất lượng sản phẩm giáo dục được xác định phụ thuộc vào các đặc tính cụ thể cung và cầu. Chất lượng và số lượng sản phẩm giáo dục thay đổi theo thời gian như thế nào lại phụ thuộc vào việc cung và cầu ứng với những diễn biến của tiến trình phát triển kinh tế-xã hội trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.1 Cung giáo dục

Giáo dục là động lực của phát triển con người, phát triển xã hội. Trong đó tài và đức là hai yếu tố cơ bản của động lực, hai yếu tố này do cung và cầu giáo dục mang lại. Giáo dục là nhu cầu không thể thiếu được đối với mỗi người như cơm ăn, áo mặc. Ngày nay con người đòi hỏi giáo dục ngày càng cao thì giáo dục phải đáp ứng được mọi yêu cầu đó. Nền giáo dục mới gắn tài với đức, gắn sự sáng tạo, phát triển phong phú, tự do, toàn diện của mỗi con người trong mối quan hệ hài hoà giữa cá nhân với lợi ích của

dân tộc, lợi ích của cộng đồng, tạo ra nền giáo dục của mọi người, cho từng người và vì mọi người. Nền giáo dục lấy dân làm gốc, làm cho phần tốt, phần giỏi trong mỗi con người ngày một nảy nở sinh sôi và phần xấu ngày một thui chột và mất dần đi. Giáo dục là lợi ích chung của xã hội, lợi ích chung của cộng đồng, vì vậy giáo dục cũng được coi là "hàng hoá công cộng" và mọi người bất cứ là ai đều có điều kiện tiếp nhận nó một cách dễ dàng.

Cung giáo dục được hiểu đơn giản là khả năng cung cấp kiến thức, tay nghề, nghiệp vụ cho người học. Nói rõ hơn, Cung giáo dục là lượng tri thức, học vấn, kĩ năng nghề nghiệp, nhân lực, mà những người làm giáo dục, cơ sở làm giáo dục có thể đưa đến cho từng thành viên trong xã hội, từng nơi sử dụng với giá dịch vụ có thể chấp nhận được (kể cả dịch vụ phúc lợi). Cung cũng như cầu không phải là một lượng cụ thể, mà là một sự mô tả toàn diện về số lượng cơ sở giáo dục có thể đảm bảo chất lượng giáo dục ở mỗi mức dịch vụ mà thị trường dịch vụ giáo dục có thể chấp nhận được. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Cung giáo dục là sự đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhu cầu, nguyện vọng muốn học của người học. Chính nhu cầu này là yếu tố quyết định cho sự tồn vong và phát triển của các cơ sở giáo dục và người làm giáo dục. Cung giáo dục chịu ảnh hưởng của các yếu tố sau:

- Nguồn kiến thức: bao gồm đội ngũ giáo viên, nội dung chương trình, tài liệu nghiên cứu, sách vở, thiết bị dạy và học...

- Sự đa dạng của loại hình trường, lớp và phương thức đào tạo như trường công lập, ngoài công lập, các tổ chức giáo dục khác với các phương thức dạy và học linh hoạt, mềm dẻo chính quy, không chính quy, cận chính quy và phi chính quy luôn phù hợp với yêu cầu của người học, phù hợp với yêu cầu của xã hội.

- Quyền tự chủ và tính trách nhiệm của các cơ sở giáo dục. Nhà nước cần tăng quyền tự chủ và tính chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục để các cơ sở này có thể năng động, sáng tạo trong hoạt động giáo dục trong khuôn khổ luật pháp của Nhà nước, tạo khả năng đáp ứng cao nhu cầu đòi hỏi về giáo dục của xã hội, của thị trường lao động cũng như của từng người học.

Nhu cầu của người học càng nhiều, của cộng đồng càng lớn, của xã hội càng cao thì càng có nhiều cơ sở giáo dục cung ứng.

- Trách nhiệm của Nhà nước, chủ trương, đường lối và chính sách đầu tư giáo dục của Nhà nước quyết định mức độ cung ứng giáo dục. Nhà nước trong bất cứ hoàn cảnh nào, bao giờ và mãi mãi vẫn giữ vai trò chủ đạo trong cung ứng giáo dục. Nhà nước giám sát chặt chẽ và đưa ra những điều kiện và chuẩn mực giáo dục nghiêm ngặt buộc những cơ sở tham gia cung ứng giáo dục phải thực hiện. Với trách nhiệm và quyền lực của mình, Nhà nước Việt Nam luôn hướng tới đảm bảo tốt cơ hội học tập cho tới từng người, nâng cao chuẩn mực giáo dục và tăng đầu tư cho giáo dục theo hướng đa dạng hoá nguồn lực.

- Cơ chế cạnh tranh trong giáo dục. Cơ chế cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục là yếu tố buộc các cơ sở giáo dục phải nâng cao chất lượng giáo dục của cơ sở mình. Tình trạng trì trệ trong giáo dục ở các cơ sở giáo dục, đặc biệt trong các trường công lập trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người học, của thị trường lao động buộc các cơ sở giáo dục ngày càng phải hướng tới người tiêu dùng, hướng tới xây dựng phát triển trường có được thương hiệu độc lập. Nhà trường cũng trở thành một trong những cơ sở chủ động tham gia khai thác mạnh mẽ thị trường dịch vụ giáo dục. Hiện nay nhiều nhà đầu tư nước ngoài đang nhận định và coi thị trường giáo dục Việt Nam, đặc biệt thị trường giáo dục đại học đang là một thị trường giàu tiềm năng, thị trường béo bở để khai thác vì hệ thống giáo dục đại học Việt Nam trước mắt và trong những năm sắp tới không đủ năng lực cung ứng cả về số lượng lẫn chất lượng trước yêu cầu đòi hỏi to lớn của người học và của thị trường lao động.

Trong nền kinh tế thị trường, hệ thống giáo dục được phát triển đa dạng về loại hình gồm cả công lập, ngoài công lập và không chỉ phục vụ cho từng thành viên trong xã hội, cho thành phần kinh tế Nhà nước mà còn đáp ứng cho nhiều thành phần kinh tế khác nhau (tập thể, tư nhân, liên doanh, các doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư từ nước ngoài...). Hình thành một thị trường dịch vụ giáo dục, trong đó có nhiều cơ sở

giáo dục và nhiều chủ thể sử dụng sản phẩm giáo dục, không có một cơ sở giáo dục duy nhất nào giữ độc quyền đào tạo, độc quyền phân phối và chi phối có ảnh hưởng đến toàn cục trong cung và cầu của mỗi quan hệ giữa giáo dục với thị trường lao động và kinh tế-xã hội. Thị trường dịch vụ giáo dục cạnh tranh là thị trường trong đó cả cơ sở giáo dục và người sử dụng cho rằng việc cung và cầu về những sản phẩm giáo dục của cả hai bên không có ảnh hưởng đến cung và cầu chung của cả đất nước về số lượng cũng như chất lượng. Nói cách khác là nhân lực thuộc những ngành, nghề do nhiều cơ sở giáo dục đào tạo ra đều có nhiều nơi sử dụng, không gây biến động tới thị trường cả cung lẫn cầu. Nguồn nhân lực ở các cơ sở giáo dục này về cơ bản có chất lượng tương đồng nhau. Như vậy trong một cơ sở giáo dục có thể có những sản phẩm thuộc những ngành nghề nhất định tham gia thị trường cạnh tranh và những ngành nghề này có các đặc tính như sau:

- Có nhiều cơ sở giáo dục trong cùng một thời gian đào tạo những ngành, nghề như nhau.
- Nhân lực đào tạo ra ở các cơ sở giáo dục khác nhau có chất lượng tương đồng như nhau.
- Các chủ thể sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo này có đầy đủ thông tin về nhân lực mình tiếp nhận để có thể khẳng định chất lượng nguồn nhân lực thuộc các ngành nghề mình cần có chất lượng như nhau ở các cơ sở giáo dục khác nhau.

Với dịch vụ giáo dục xuyên quốc gia, sự giao lưu giáo dục giữa các nước ngày càng phát triển trong xu thế toàn cầu hoá. Sản phẩm giáo dục đang ngày càng được coi là "hàng hoá thương mại". Do vậy sản phẩm giáo dục ngày càng phụ thuộc vào nhu cầu của người học (khách hàng) và cũng phụ thuộc vào lợi nhuận của chính các cơ sở cung ứng dịch vụ giáo dục (đối với các cơ sở giáo dục vì lợi nhuận). Khi nhu cầu của người học và lòng tham có lợi nhuận cao của các cơ sở cung ứng giáo dục vì lợi nhuận không được Nhà nước quản lý chặt chẽ, thì có thể dẫn đến làm thay đổi các chuẩn mực giáo dục, chất lượng giáo dục và việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học. Do chạy theo lợi nhuận mà một số cơ sở dịch vụ giáo dục có thể



trở thành những lò cấp bằng. Mặt khác ngay cả với những cơ sở giáo dục dịch vụ phi lợi nhuận, thậm chí các cơ sở giáo dục công lập cũng có thể bị chi phối do tài chính hạn hẹp trước nhu cầu đòi hỏi dịch vụ giáo dục của người học ngày một gia tăng, và có thể còn có một số yếu tố khác dẫn đến giáo dục kém chất lượng. Trong dịch vụ giáo dục xuyên quốc gia trong cung giáo dục cũng cần lưu tâm tới một số đặc điểm sau:

- Dựa vào thành tựu công nghệ thông tin, truyền thông mà dịch vụ giáo dục từ xa và cấp bằng từ xa có điều kiện phát triển nhanh, có thể ngoài tầm quản lí của các cơ quan có thẩm quyền.

- Các cơ sở dịch vụ giáo dục chịu nhiều áp lực lớn của nguồn thu nhập.

- Sự chuyển hướng dịch vụ giáo dục của một số quốc gia theo hướng mở rộng kinh doanh thương mại, chạy theo lợi nhuận.

- Sử dụng môi trường giáo dục ngoài nước như những cơ sở thí nghiệm cho những “chương trình học mới”, phương thức “giảng dạy mới”...

- Một số người dạy muốn được thăng tiến trong nghề nghiệp nhờ vào thực hiện dịch vụ giáo dục ngoài nước.

2.2. Cấu giáo dục

Cấu giáo dục có thể được hiểu đơn giản là nhu cầu học tập của mỗi con người, nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu đòi hỏi của xã hội. Cấu giáo dục gồm hai yếu tố hợp thành, đó là ý muốn được tiếp nhận - “muốn có” giáo dục và khả năng có thể tiếp nhận - “khả năng để có” được giáo dục. Giáo dục ở đây có thể ví dụ như: tri thức, học vấn, kĩ năng nghề nghiệp, nhân lực, mà từng thành viên trong xã hội, các chủ thể sử dụng (nhà nước, tư nhân, tập thể, liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài...) muốn tiếp nhận ở những mức giá dịch vụ có thể chấp nhận được. Như vậy cấu không phải là một số lượng cụ thể mà là một sự mô tả toàn diện về lượng tri thức, học vấn, kĩ năng nghề nghiệp, nhân lực mà hộ sử dụng có thể tiếp nhận dịch vụ ở mỗi mức giá, hoặc ở tất cả mức giá có thể đặt ra. Nếu nhìn nhận dưới góc độ kinh tế thì dịch vụ giáo dục cũng được coi như một loại “hàng hoá”, mà người tiếp nhận hy vọng rằng sau khi bỏ tiền và công sức vào họ sẽ có điều kiện để thu nhập cao hơn, tổ chức cuộc sống cho mình tốt hơn và có

một vị trí trong xã hội thích hợp hơn. Từ góc độ này dịch vụ giáo dục là một “mặt hàng” hết sức đặc biệt, càng dùng càng mới, càng sử dụng nhiều càng tăng giá trị. Trước hết, muốn có được dịch vụ giáo dục không giống như muốn có một tài sản, vật dụng thông thường, những thứ này đều có thể bán lại được. Đối với giáo dục, bản thân nó gần như không có giá trị sử dụng thông thường như các loại hàng hoá vật dụng khác, loại trừ trường hợp “người đã được tiếp nhận dịch vụ giáo dục” chuyển tải lại được cho người học tiếp theo. Đầu tư vào giáo dục là đầu tư vào con người, là đầu tư vào phát triển. Nhiều người muốn đi học vượt qua ngưỡng phổ cập giáo dục là để tạo cho mình có điều kiện tốt hơn trong xây dựng cuộc sống tự lập. Đi học ngoài việc có thể do thích học để có thêm những kiến thức mới, thì người học còn coi nó là “hàng hoá” sinh lợi cho mình. Trên thực tế, “hàng hoá” giáo dục cũng không đảm bảo chắc chắn cho bất cứ một ai khi có được nó là sẽ có được lợi nhuận trong tương lai. Giá trị sử dụng của giáo dục vẫn luôn là một câu hỏi lớn đối với thị trường lao động. Từ góc độ này dịch vụ giáo dục cũng là “hàng hoá” có tính rủi ro khi đầu tư vào nó, vì những lợi ích về thu nhập trong tương lai do nó mang lại phụ thuộc vào những điều kiện khác như thị trường việc làm. Điều kiện này ta lại khó có thể biết trước một cách chắc chắn. Nếu làm rõ được những điều kiện này sẽ thúc đẩy từng người “sử dụng dịch vụ” giáo dục và sử dụng ở mức độ nào. Điều này dẫn đến tính cân đối và sự dịch chuyển trong cung-cầu giáo dục.

Sự lựa chọn của cấu giáo dục phụ thuộc vào các yếu tố chính sau:

- Thu nhập của người sử dụng dịch vụ giáo dục;

- Giá cả của dịch vụ giáo dục mà từng thành viên trong xã hội và các chủ thể sử dụng có thể chấp nhận được;

- Chất lượng và loại lĩnh vực dịch vụ giáo dục mang lại sự thoả mãn cho từng người và cho người sử dụng;

Rất cần thiết loại dịch vụ giáo dục đáp ứng sở thích từng người và cho người sử dụng để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, giúp tăng thu nhập, chuyển đổi ngành nghề, tăng sản lượng, tăng chất lượng, tăng lợi

nhuận, lãi suất v.v... Ngoài ra đối với dịch vụ giáo dục xuyên biên giới đến với nước ta cần lưu ý:

- Người học trong nước quan tâm nhiều đến văn bằng do nước ngoài cấp.

- Cung giáo dục trong nước chưa phù hợp và chưa đầy đủ.

- Người học chỉ muốn có văn bằng của nước ngoài với chi phí thấp mà lại không phải ra nước ngoài để học.

- Hình thức học do dịch vụ giáo dục ngoài nước cung ứng linh hoạt, mềm dẻo và có sức lôi cuốn lớn như học ngoài giờ, học từ xa, học trong thời gian ngắn, học cấp tốc....

- Chương trình học đa dạng, học theo kiểu tích lũy chứng chỉ, học phần...

3. Thị trường dịch vụ giáo dục

Thị trường dịch vụ giáo dục là sự thoả thuận thông qua đó các cơ sở giáo dục và các chủ thể sử dụng sản phẩm giáo dục (con người; các thành phần kinh tế-xã hội: nhà nước, tư nhân, tập thể, liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài) tiếp xúc với nhau để thực hiện dịch vụ cung và cầu (dịch vụ công, dịch vụ phúc lợi, từ thiện, dịch vụ phi lợi nhuận và dịch vụ thương mại giáo dục). Như vậy, trong mối quan hệ giữa cung và cầu giáo dục cần làm rõ và trả lời được các câu hỏi cơ bản: Giáo dục để cho ai? Giáo dục như thế nào? Giáo dục để làm gì? Ai tiếp nhận sản phẩm giáo dục? Thị trường dịch vụ giáo dục là chỗ gặp nhau của người cung cấp dịch vụ giáo dục và người tiếp nhận dịch vụ giáo dục. Khác với hàng hoá thông thường, trong giáo dục không có thị trường dịch vụ giáo dục tự do. Nói cách khác là trong thị trường dịch vụ giáo dục luôn phải có bàn tay can thiệp của Nhà nước.

Giáo dục để cho ai? Trước hết là để cho mọi người, để nâng cao dân trí, để theo sở thích nguyện vọng riêng của mỗi cá nhân và còn là nghĩa vụ phải được tiếp nhận giáo dục của từng thành viên trong xã hội. Ở góc độ này, cung giáo dục thực chất là thực hiện chức năng nâng cao dân trí (Dân trí có nhiều cấp độ, hoàn toàn phụ thuộc vào sở thích của từng thành viên trong xã hội và yêu cầu của xã hội, của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của đất nước). Tiếp đến giáo dục phải sản sinh ra nguồn nhân lực dồi dào để duy trì và phát triển xã hội;

trong nguồn nhân lực này giáo dục phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho xã hội.

Giáo dục như thế nào? Trong nền kinh tế mới và với tính chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội, giáo dục không chỉ là của mọi người, để cho mọi người và còn vì mỗi người. Vì vậy giáo dục không chỉ tồn tại theo nghĩa hẹp trong nhà trường ở những thời gian nhất định khi cấp sách đến trường, mà giáo dục là để mọi người có thể được tiếp nhận suốt đời, tiếp nhận liên tục trong một xã hội học tập.

Giáo dục để làm gì và ai tiếp nhận sản phẩm giáo dục? Theo UNESCO thì giáo dục ở nghĩa hẹp là để biết, để làm, để thành người và để chung sống với nhau. Cầu ở đây ngoài ý nghĩa để cho mọi người thì với nền kinh tế thị trường cần nguồn nhân lực lớn và đa dạng để xây dựng phát triển xã hội giàu có, bình đẳng, công bằng và văn minh.

Những dịch vụ giáo dục có tính khả thi hay nói cách khác là có thể cung ứng được phụ thuộc vào ngân sách của người sử dụng và giá cả của dịch vụ giáo dục. Dịch vụ có nhiều thang bậc về chất lượng với những thang giá trị khác nhau để đáp ứng những nhu cầu khác nhau và những khả năng tiếp nhận đa dạng của từng thành viên trong xã hội trên nguyên tắc: mọi người học đều phải trả phí dịch vụ giáo dục. Tuy nhiên với giáo dục phổ cập và với những người nghèo, con em diện chính sách, đồng bào dân tộc ít người, người tàn tật, những người ở những vùng khó khăn, xa xôi hẻo lánh, hải đảo, những người học một số ngành nghề thuộc diện điều tra cơ bản, an ninh, quốc phòng và những ngành nghề đặc biệt khác mà Nhà nước cần đến trong xây dựng, bảo vệ và phát triển xã hội thì Đảng và Chính phủ cần có những chủ trương, chính sách đầu tư đối xử và trợ cấp riêng biệt để đảm bảo cân đối cung-cầu và cũng là đảm bảo công bằng trong giáo dục.

Trong thị trường dịch vụ giáo dục, về phương diện lí thuyết thì có thể có sự cân bằng giữa cung - cầu, tức là phát triển giáo dục là làm cho thị trường dịch vụ giáo dục cung ứng hết được các sản phẩm giáo dục. Đó là lúc lượng cầu bằng lượng cung. Tuy nhiên trong thực tiễn thì hiện tượng như vậy nếu có được cũng chỉ là tạm thời và có tính cá biệt.

3.1. Dịch vụ giáo dục trong nền kinh tế kế hoạch tập trung bao cấp

Trong nền kinh tế tập trung, bao cấp và kế hoạch sơ cứng, thực hiện chế độ phân phối theo chủ nghĩa bình quân. Những nhu cầu thiết yếu của mỗi người về học tập, ăn, ở, đi lại... đều được Nhà nước và tập thể bao cấp trọn gói. Khái niệm cung và cầu trong phát triển giáo dục không được thể hiện rõ nét. Cung và cầu giáo dục đều do Nhà nước trung ương đề ra, quyết định và phân phối. Mọi hoạt động của giáo dục từ nhỏ đến lớn đều diễn ra theo một kế hoạch có tính "mệnh lệnh" được định sẵn ngay từ đầu. Mọi hoạt động giáo dục, nhất nhất đều phải được đưa vào kế hoạch và chỉ được thực hiện những gì đã có trong kế hoạch. Cung-Cầu giáo dục ở đây được tồn tại và phát triển đơn điệu. Cung do Nhà nước đặt ra và Cầu cũng do Nhà nước tiếp nhận và điều phối sử dụng. Bản thân cá nhân con người trong cơ chế này hoàn toàn thụ động trước cả cung lẫn cầu trong giáo dục. Do vậy có thể nói trong nền kinh tế này dịch vụ giáo dục, nếu có chỉ tồn tại đơn giản là dịch vụ công, dịch vụ của Nhà nước và chỉ phục vụ cho nền kinh tế một thành phần đó là thành phần quốc doanh.

3.2. Dịch vụ giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Dịch vụ giáo dục trong nền kinh tế thị trường là dịch vụ giáo dục của dân, do dân và vì dân. Nền dịch vụ giáo dục mới này gồm chủ yếu có dịch vụ công, dịch vụ của Nhà nước, dịch vụ của tập thể, của cộng đồng và các dịch vụ khác. Tất cả dịch vụ này, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đều hướng tới xây dựng một nền giáo dục trong nền kinh tế mới mà ở đó mọi người dân bất cứ là ai, không phân biệt già, trẻ, trai, gái, giàu, nghèo, đồng bào dân tộc ít người, ở thành phố, nông thôn, đồng bằng, miền núi, vùng cao, vùng khó khăn và hải đảo xa xôi, hẻo lánh ai muốn học, muốn học gì học lúc nào và học bằng cách nào đều được những dịch vụ này tạo điều kiện tốt nhất có thể có để mỗi người có thể có được dịch vụ giáo dục như mong muốn. Mục tiêu của dịch vụ giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là dịch vụ giáo dục đến với từng người dân, để ai ai cũng được học, học thường xuyên, liên tục, học suốt đời trong một xã hội học tập. Trong nền kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ngoài các nhà trường truyền thống (các trường công lập), xuất hiện các loại hình trường dân lập, tư thục và hàng loạt các loại cơ sở cung ứng giáo dục mới xuyên vùng, miền trong nước và xuyên quốc gia của nhiều tổ chức, tập đoàn, công ty, cơ sở giáo dục hoặc liên quan đến giáo dục trong nước và quốc tế dưới các hình thức hoạt động độc lập bỏ 100% vốn, liên kết, liên doanh, hợp tác trao đổi... theo kiểu lập các chi nhánh, theo các thoả thuận nhượng quyền, uỷ quyền, uỷ nhiệm... Các cơ sở này hoạt động với các mục đích khác nhau như vì lợi nhuận, phi lợi nhuận, phúc lợi, từ thiện... nhưng ngày càng nổi lên tính cạnh tranh nhiều chiều khốc liệt rõ rệt. Hiện nay trong xu thế toàn cầu hoá, giáo dục xuyên biên giới đến nước ta có thể dưới các hình thức:

- Lập chi nhánh của một cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam với 10% vốn đầu tư.
- Liên kết với một cơ sở giáo dục ở nước ta để hai bên cùng cấp bằng, hoặc chỉ cơ sở nước ngoài cấp bằng.
- Liên kết với cơ sở giáo dục Việt Nam để cơ sở nước ngoài thiết kế chương trình, còn thực hiện chương trình thì hai bên cùng phối hợp.
- Cơ sở giáo dục Việt Nam thực hiện những chương trình có sẵn từ cơ sở giáo dục nước ngoài.
- Chương trình do nước ngoài cung cấp và cấp bằng còn cơ sở giáo dục trong nước thì triển khai giảng dạy.
- Giảng dạy từ xa của các cơ sở giáo dục ngoài nước bằng cách chuyển sách và tài liệu học tập đến người học, thậm chí có thể có một số tiết giảng trực tuyến.
- Giảng dạy từ xa thông qua mạng internet và các chương trình của đại học ảo...

(Còn nữa)

SUMMARY

The article deals with the supply-demand issue in education with focus on the following contents: 1) the concept of supply-demand in education; 2) the educational service market; 3) changes in educational supply-demand; 4) mismatches in educational supply-demand; 5) regulating educational supply-demand; 6) some solutions to ensure educational supply-demand.